

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/DS-ST

Ngày: 22-10-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh H.

2. Ông Nguyễn Ngọc Nh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn A – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 55/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020, về việc “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thùy L2, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Bình Phong Th, huyện M, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh Tr, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Bình Phong Th, huyện M, tỉnh L.

Bà L2 có mặt; ông Tr vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy L2: Bà Nguyễn Thùy L2 yêu cầu ông Lê Minh Tr phải trả cho bà L2 tổng cộng gốc và lãi là 267.360.000 (hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng, trong đó số tiền gốc là 206.000.000 (hai trăm lẻ sáu triệu) đồng; số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày

xét xử 22/10/2021 là 61.360.000 (sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Lê Minh Tr: Ông Tr vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thùy L2 cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), 05 biên nhận (bản chính), bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Lê Minh Tr cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Nguyễn Thùy L2 trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2020, bà L2 có cho ông Lê Minh Tr vay tiền nhiều lần, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, đến nay đã quá hạn trả mà ông Tr không trả, cụ thể:

Vào ngày 02/10/2019, bà L2 có cho ông Tr vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.

Vào ngày 30/11/2019, bà L2 có cho ông Tr vay số tiền 80.000.000đ, thời hạn trả ngày 07/12/2019, lãi suất 1,5%/tháng.

Vào ngày 21/5/2020, bà L2 có cho ông Tr vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn trả 21/5/2021, lãi suất 1,5%/tháng.

Vào ngày 02/6/2020, bà L2 có cho ông Tr vay số tiền 26.000.000đ, thời hạn trả ngày 02/6/2021, lãi suất 1,5%/tháng.

Vào ngày 03/6/2020, bà L2 có cho ông Tr vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn trả 01 năm, lãi suất 1,5%/tháng.

Tổng cộng số tiền gốc bà L2 cho vay là 206.000.000đ. Bà L2 khởi kiện yêu cầu như sau:

Bà Nguyễn Thùy L2 yêu cầu ông Lê Minh Tr trả số tiền gốc là 206.000.000đ (hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

Bà Nguyễn Thùy L2 yêu cầu ông Lê Minh Tr trả số tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng, tính như sau:

+ 20.000.000 đồng x 24 tháng 20 ngày (từ 02/10/2019 đến 22/10/2021) x 1,5% = 7.400.000 đồng.

+ 80.000.000 đồng x 22 tháng 22 ngày (từ 30/11/2019 đến 22/10/2021) x 1,5% = 27.280.000 đồng.

+ 40.000.000 đồng x 17 tháng (từ 21/5/2020 đến 22/10/2021, tính tròn 17 tháng) x 1,5% = 10.200.000 đồng.

+ 26.000.000 đồng x 16 tháng 20 ngày (từ 02/6/2020 đến 22/10/2021) x

1,5% = 6.500.000 đồng.

+ 40.000.000 đồng x 16 tháng 19 ngày (từ 03/6/2020 đến 22/10/2021) x 1,5% = 9.980.000 đồng.

Số tiền lãi là: 61.360.000 (sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 267.360.000 (hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Bà L2 xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà L2 đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Quan hệ pháp luật là “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Lê Minh Tr có địa chỉ tại thị trấn Bình Phong Th, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Lê Minh Tr*: Ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Tr.

[3]. *Về yêu cầu đòi tiền gốc của bà Nguyễn Thùy L2*:

[3.1]. Bà Nguyễn Thùy L2 khởi kiện và cung cấp chứng cứ là các biên nhận tiền; ông Lê Minh Tr vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà L2 nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của bà L2 cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo nội dung các biên nhận thể hiện, ông Tr có vay bà L2 như sau: vào ngày 02/10/2019, số tiền 20.000.000đ; vào ngày 30/11/2019, số tiền 80.000.000; vào ngày 21/5/2020, số tiền 40.000.000đ; vào ngày 02/6/2020, số tiền 26.000.000đ; vào ngày 03/6/2020, số tiền 40.000.000đ.

[3.3]. Từ những tài liệu, chứng cứ trên, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L2 đối với ông Tr, buộc ông Tr có nghĩa vụ trả cho bà L2 số tiền gốc là 206.000.000đ (hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

[4]. *Về yêu cầu đòi tiền lãi của bà Nguyễn Thùy L2:*

Xét thấy lãi suất hai bên thỏa thuận trong các biên nhận nợ phù hợp quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận, buộc ông Lê Minh Tr phải trả tiền lãi cho bà L2, cụ thể như sau:

+ 20.000.000 đồng x 24 tháng 20 ngày (từ 02/10/2019 đến 22/10/2021) x 1,5% = 7.400.000 đồng.

+ 80.000.000 đồng x 22 tháng 22 ngày (từ 30/11/2019 đến 22/10/2021) x 1,5% = 27.280.000 đồng.

+ 40.000.000 đồng x 17 tháng (từ 21/5/2020 đến 22/10/2021, tính tròn 17 tháng) x 1,5% = 10.200.000 đồng.

+ 26.000.000 đồng x 16 tháng 20 ngày (từ 02/6/2020 đến 22/10/2021) x 1,5% = 6.500.000 đồng.

+ 40.000.000 đồng x 16 tháng 19 ngày (từ 03/6/2020 đến 22/10/2021) x 1,5% = 9.980.000 đồng.

Số tiền lãi là: 61.360.000 (sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

[5]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6]. *Về thời gian trả và cách thức trả:* Bà L2 yêu cầu trả một lần, ông Tr vắng mặt, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. *Về án phí:* Ông Lê Minh Tr phải chịu số tiền 13.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thùy L2 không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thùy L2 đối với ông Lê Minh Tr, buộc ông Tr có nghĩa vụ trả cho bà L2 số tiền gốc 206.000.000 (hai trăm lẻ sáu triệu) đồng, số tiền lãi là 61.360.000 (sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng, tổng cộng là 267.360.000 (hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị 3 quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

3.1. Buộc ông Lê Minh Tr phải chịu số tiền 13.368.000 (mười ba triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Nguyễn Thùy L2 không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L2 số tiền 6.295.000 (sáu triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000275 ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1